

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tô Hiền Đức

2/ Bà Dương Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 04/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Ngọc T - sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, ấp 3, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây NN.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hoài H - sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 12, ấp Trường P, xã Trường D, thị xã Hòa T, tỉnh Tây NN.

(Các đương sự vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Văn Thị Ngọc T trình bày: Chị T và anh H chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường D, thị xã Hòa T, tỉnh Tây NN. Thời gian vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, do anh H thường xuyên vắng nhà không lo cho gia đình, chị T về huyện Tân C ở nhà cha mẹ ruột, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Gia P - sinh năm 2015, chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Đối với anh Đỗ Hoài H là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh H không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp NH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao cho chị T nuôi con, anh H không phải cấp dưỡng, vì chị T không yêu cầu. Tài sản chung, chị T không yêu cầu, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Văn Thị Ngọc T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với anh Đỗ Hoài H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Ngọc T và anh Đỗ Hoài H chung sống với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Trường D, thị xã Hòa T, tỉnh Tây NN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị T, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Đỗ Hoài H, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có ý kiến. Do đó, giữa chị T và anh H sống chung xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên vắng nhà, không lo cho gia đình, mẹ con chị T về nhà cha mẹ ruột ở huyện Tân C sống, anh H không quan tâm dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Nên mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp NH yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Gia P - sinh năm 2015, hiện đang sống chung với chị T. Ý kiến chị T tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nên cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung; nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của chị Văn Thị Ngọc T đối với anh Đỗ Hoài H.

Chị Văn Thị Ngọc T và anh Đỗ Hoài H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Văn Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Gia P - sinh ngày 14/5/2015.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009800 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây NN, chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây NN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

